**Khenpo Tsultrim giảng ngày 28/04/2018**

Chúng ta mỗi chúng sinh đều mong muốn có được hạnh phúc, thoát khỏi khổ đau. Chúng ta dùng các phương thức khác nhau để có thể thoát khỏi những nỗi khổ đau đó và đạt được hạnh phúc. Có những người có thể dùng những cách rất là tạm thời, có những người lại dùng các biện pháp rất là tuyệt đối để có được hạnh phúc và thoát khỏi nỗi khổ đau đó.

Cho dù chúng ta có thử bất cứ cách nào mà chúng ta đạt được hạnh phúc, thì chúng ta luôn cần phải có nhân duyên để đạt được quả mong muốn. Nếu không có đủ nhân duyên thì chúng ta không thể nào đạt được hạnh phúc vậy. Giống như ta nấu thức ăn, hoặc 1 bữa ăn ngon, ta cần có nguyên liệu, nếu ta không có nguyên liệu thì món ăn không thể nào ngon được. Và khi ta có đầy đủ nguyên liệu thì ta có đầy đủ món ăn ngon và tốt cho cơ thể của chúng ta. Tương tự như vậy khi chúng ta muốn làm 1 cái bàn hay đồ vật, thì chúng ta cũng cần có những tiểu tiết nhỏ lắp vào, nếu ta chỉ cần thiếu 1 chi tiết nhỏ thôi thì việc lắp bàn và ghế đó sẽ không thể nào hoàn thiện được. Cũng như vậy, chúng ta muốn hạnh phúc, nhưng hạnh phúc không bao giờ đến tự nhiên cả. Cho dù chúng ta muốn đạt được hạnh phúc đó 1 cách tương đối hay tuyệt đối đi chăng nữa, thì chúng ta luôn cần có đầy đủ nhân duyên. Ta cần phải có quả (?) để chúng ta để có được những hạnh phúc như vậy.

Các bài giảng của đức Phật – chúng ta không thể nào có đủ thời gian để học được hết. Nếu chúng ta học từ Kinh điển thì rất là tốt, vì đó chính là những lời nói của đức Phật, tuy nhiên ta sẽ không có đủ thời gian. Nếu chúng ta dành cả cuộc đời chúng ta học về Kinh điển thì may ra mới có đủ thời gian được, nhưng thực tế ta không có. Chúng ta có bao nhiêu việc trong cuộc sống phải lo lắng, bao nhiêu bận rộn phải làm. Thầy giới thiệu cuốn sách rất là lớn cùa Tây Tạng là Pháp bảo của sự giải thoát – chính là Lam rim hay gọi là con đường đầu tiên - con đường rất sớm. Đây là cuốn sách kinh điển của Tây Tạng được viết bởi tổ Gampopa – 1 học giả rất lớn của Tây Tạng. Đây là quyển sách rất là mỏng, không phải quá dầy, nhưng tất cả các bài giảng của đức Phật nằm tập trung ở trong này, và đặc biệt là các bài giảng của đức Phật trên con đường của Đại thừa. Ở quyển sách, chúng ta có thể tìm thấy đầy đủ các nhân duyên, để từ đó chúng ta có thể tìm ra con đường đạt được Phật quả. Quyển sách hoàn toàn không nói gì về Kim cương thừa cả, mà tập trung chủ yếu về Đại thừa. Buổi trước thầy giảng, ở Tây Tạng có Tiểu thừa, Đại thừa, Kim cương thừa, cuốn sách này hoàn toàn là con đường hoàn thiện của Đại thừa cho chúng ta có thể đi theo. Giống như 1 người thợ làm gỗ có đầy đủ dụng cụ để làm, anh ta sẽ làm rất hoàn thiện và tốt. Cuốn sách rất là mỏng, không phải là dầy, nhưng là nền tảng để cho chúng ta đạt được kết quả tốt. Thời đại này, chúng ta trong thời Mạt pháp, chúng ta không có quá nhiều thời gian để có thể học được giáo pháp, nên cuốn sách rất quý giá – đầy đủ cho chúng ta có thể nghiên cứu và học noi theo được.

Tác giả cuốn sách là ngài Gampopa – là học giả rất lớn của Ấn Độ hay còn gọi là Tapo Rinpoche. Ngài sinh ra ở miền Nam của Tây Tạng, Gampopa đến từ tu viện – nơi mà ngài nhập thất. Gampopa sinh vào năm 1179, thế kỷ 11. Từ rất sớm, ngài đã học đọc, viết và đã trở thành 1 vị thầy thuốc. Năm 16 tuổi ngài cưới vợ và có 2 người con, nhưng đến năm 25 tuổi, cả vợ lẫn con ngài đều chết do bệnh dịch. Sau đó, ngài Gampopa đã gia nhập tu viện. Khi vợ của ngài còn sống và đang rất ốm, Gampopa nói với vợ rằng: nếu ốm như vậy thì có lẽ cô chết đi sẽ tốt hơn, vì nếu ốm đau như vậy mà cứ bám vào thân thể thì cũng không mang lại lợi lộc gì vì cô vẫn chịu những sự đau đớn hành hạ, bệnh tật. Người vợ trả lời lại: em không muốn bỏ cuộc sống này vì em quá bám chấp vào anh, em sẽ không chịu đựng nổi khi anh sẽ lấy 1 người vợ khác. Gampopa có hứa với người vợ là khi bà chết đi thì ngài sẽ gia nhập tu viện và sẽ xuất gia, không tái hôn nữa. Người vợ như vậy đã yên tâm, và mất, đến năm 26 tuổi, tổ Gampopa đã gia nhập tu viện và theo dòng truyền thừa Kadampa từ khi ngài Atisha vào Tây Tạng lập nên. Từ 26-32 tuổi, ngài Gampopa ở trong tu viện và theo truyền thống của ngài Atisha – Kadampa.

Năm 32 tuổi, ngài Gampopa nghe 3 người ăn mày nói chuyện với nhau. Một người nói rằng tôi rất là khốn khổ, chỉ cần 1 ngày có 3 bữa ăn thôi là tôi cũng rất thỏa mãn. Người thứ 2 mong muốn có quyền lực và muốn trở thành 1 người như thế, muốn gì sẽ đạt được cái đó. Người thứ 3 nói rằng, cho dù chúng ta có hết các điều đó, cuối cùng chúng ta sẽ phải chết, đến đời sau, chúng ta sẽ không biết chúng ta đi đâu và sẽ ở đâu. Tôi có được nghe về hành giả Milarepa, không cần phải có thức ăn, mà các Daka, Dakini đem thức ăn đến, và ông ta không cần phải mặc quần áo vì ông ta tu pháp Tumo – nội hỏa, thậm chí ông ta có thể bay. Người thứ 3 nói rằng tối rất mong muốn có được cuộc sống như là ngài Milarepa. Khi tổ Gampopa nghe câu chuyện của 3 người ăn mày, và nghe đến tên của Milarepa, lập tức ngài trỗi dậy những tình cảm rất là lớn mạnh, và ngài nghĩ rằng đó chắc chắn là vị thầy của mình và chắc chắn sẽ gặp ngài Milarepa – đó sẽ là người thầy chính của mình. Ngài Gampopa đến và gặp vị thầy trong tu viện và xin phép cho ngài được đến học với ngài Milarepa. Lúc đó Milarepa không phải là 1 vị xuất gia. Nếu ai trong lớp mình đã đọc về cuộc đời của Milarepa, thì Milarepa là 1 người phạm rất nhiều tội rất nặng như giết chú, nhưng sau đó khi Milarepa theo ngài Marpa, đã học và đã đạt được giác ngộ trong chính đời này. Khi Gampopa xin vị sư trong tu viện của mình, vị sư đã nói rằng 1 vị tăng đã xuất gia sẽ không được phép học 1 hành giả yogi như vậy, nhưng trong trường hợp này, ta đồng ý với con vì ta biết rằng ngài Milarepa sẽ là vị thầy tốt cho con. Chính vì vậy mà ngài Gampopa đã rời Nam của Tây Tạng, đi đến phía Tây của Tây Tạng để tìm ngài Milarepa. Khi ngài Milarepa dạy học thì đệ tử của ngài hỏi là tại sao mà khuôn mặt của ngài lúc thì vui vẻ, lúc thì buồn bã, tỏ ra rất là thất vọng như vậy, chẳng lẽ chúng tôi thực hành không tốt hay sao mà ngài lại thể hiện những tình cảm như vậy, thì ngài Milarepa có nói rằng là không, cái này không liên quan đến những gì các con đang học ở đây cả, mà ở đây ta cảm nhận thấy người đệ tử của ta đang trên đường từ phía Nam Tây Tạng đến đây, và đang gặp rất nhiều khó khăn trên đường, dù vậy người học trò đó luôn 1 lòng nghĩ về ta. Chính vì vậy, khi người học trò gặp những khó khăn gian nan trên đường, ta cảm thấy rất là thất vọng, khi mà thấy người học trò đó luôn nghĩ về ta như vậy ta cảm thấy rất là hạnh phúc. Chính vì Gampopa có lòng hướng tâm đến vị thầy của mình là Milarepa như vậy mà Milarepa hiểu được những tình cảm của Gampopa. Sau đó Gampopa đã đến và nhận những bài giảng của Milarepa. Có những ngày, thậm chí, ban ngày, ngài nhận những bài giảng của thầy, buổi đêm thì ngài thiền định về những bài giảng đó. Chỗ của ngài ở là nơi nhập thất, ngài đã ở trong đó 3 năm, sau 3 năm đó, ngài quay trở về miền Nam của Tây Tạng. Ngài Milarepa đã nói rằng là, bây giờ con đã có ứng hóa thân Phật, chẳng bao lâu nữa con sẽ có được pháp thân trong tương lai. Ngài Milarepa đã có 1 giấc mơ rằng là có 1 con chim bay về phía tây nam của Tay Tạng, sau đó nó trở thành 1000 con chim, và có rất nhiều chim bay đến và ngài hiểu rằng là như vậy Gampopa là người học trò rất tốt và chính là người đem lại lợi lạc cho giáo pháp và tất cả hữu tình chúng sinh. Sau đó, từ thời của Gampopa đến thế kỷ thứ 15, dòng truyền thừa của Kagyu phát triển ở khắp nơi, ở Tây Tạng, bất cứ đâu, mọi người đều thực hành của Kagyu: Drukpa hay Drikung. Có rất nhiều trung tâm, tăng, ni thực hành theo truyền thống này. Ở vùng Hymalaya, vùng Ladakh hay Bhutan, dòng truyền thừa của Kagyu phát triển rất là nhiều, có tu viện có 5-6000 vị tăng. Ở tổ đình của dòng Drikung Kagyu là Drikung Thil có rất nhiều vị tăng tu học ở đó, trong 1 buổi nhập thất mùa hè có đến 180.000 vị tăng đến để nhập thất. (time ~37:00).

Trong cuốn Pháp bảo của sự giải thoát, có phấn đầu: đỉnh lễ của tác giả: phần Kính lễ, con đỉnh lễ đức Văn Thù mãi mãi thanh xuân, cam kết khi bày tỏ lòng tôn kính chân thành của con đối với chư Phật, với các hậu duệ tâm linh của ngài, đối với giáo pháp siêu việt và các đạo sư. Các bậc là 1 mạch đích thực của các ngài, nhờ ân phước và thiện tâm của đức Mila linh thánh, giờ đây con soạn viên ngọc quý giá nhất này, giống như 1 viên ngọc như ý, vì lợi lạc của bản thân con và chúng sinh. Đối với tất cả học giả Tây Tạng, khi mà họ viết sách, họ thường có lời đỉnh lễ, bởi vì lời đỉnh lễ khi mà họ hướng đến vị bổn tôn để xin, cầu mong có sự trợ giúp để họ có thể hoàn thành được công việc họ đang làm. Ở đây ngài Gampopa có đỉnh lễ đức Văn Thù, bởi vì viết quyển sách này, ngài mong có sự gia trì nhận được từ đức Văn Thù để ngài có thể hoàn thiện cuốn sách này 1 cách thành công. Mọi người nên biết rằng: khi ta đỉnh lễ ta có thể thu thập được các công đức và chúng ta chỉ có thể thành công nhờ công đức mà chúng ta có được thôi. Chúng ta có thể thu được công đức qua con đường bình thường hoặc qua con đường tâm linh, và chúng ta gặt hái được công đức. Nếu chúng ta không tích tập được công đức, thì chúng ta gặp rất nhiều chướng ngại. Ở đây tác giả đỉnh lễ đến đức Văn Thù, là tác giả mong muốn hoàn thành cuốn sách này 1 cách thành công.

Những yếu tố chính phải nhớ:

* Nhân chính yếu: tinh túy giác ngộ, bản chất như chư Phật, đã có sẵn rồi
* Cuộc sống làm nười quý báu: có đầy đủ điều kiện tự do để thực hành
* Ta có thể gặp được 1 vị thầy tâm linh, có thể hướng dẫn được cho chúng ta
* Phương tiện: chính là những bài giảng vị thầy giảng cho chúng ta về những cách làm thế nào để có thể đạt được Phật quả.
* Sau khi đạt được Phật quả rồi chúng ta phải có các hoạt động đem lại lợi lạc cho hữu tình chúng sinh.

6 nội dung chính yếu như trên (mới có 5)

Câu hỏi 1: Luân hồi và Niết bàn cùng có bản chất là rỗng rang - tính không, thầy có thế nói rõ hơn được không ạ? – thầy Huân

Khi ta đọc trong Bát nhã tâm kinh : Sắc tức là không, không chẳng khác sắc. Khi ta không hiểu và còn nhầm lẫn thì ta nhìn nhận các pháp đều có sắc của nó, còn khi chúng ta hiểu được bản chất của pháp là rỗng rang thì đó là không có sắc. Ví dụ khi mà chúng ta có đá và nước: ta nghĩ rằng là 2 thứ khác nhau, đều cùng bản chất là nước vì đá lả nước khi đông lại. Cũng như vậy khi ta có sự nhầm lẫn, ta nhìn thấy tất cả các pháp theo 1 cách khác hoàn toàn. Ta cố gắng đọc hết và hiểu trong Bát nhã tâm kinh, ta có thể hiểu được bản chất các pháp là rỗng rang và ta có thể được Luân hồi có bản chất và đều rỗng rang như vậy.

Câu hỏi 2: Bát nhã tâm kinh là 1 tư tưởng rất là sâu sắc, có nền tảng từ thời đức Phật. Những phạm trù trong kinh Bát nhã, nhiều người biết nhưng chưa hiểu nói về cái gì. Muốn dịp nào đó, thầy có thời gian giảng về Bát nhã tâm kinh.

Bát nhã tâm kinh là 1 bản kinh rất kho nhưng rất quan trọng. Thực sự bản kinh rất khó vì đó là tinh túy của trí tuệ, nên để hiểu và nhận thức được bản kinh thì cần rất nhiều thời gian, thầy sẽ cố gắng giảng cho mọi người.

Cách đây 17, 18 năm về trước, thầy Huân đã dành thời gian, ngày nào cũng tụng đọc bộ kinh Bát Nhã, mới thấy trong đó hàm chứa rất nhiều tư tưởng, mới thấy tâm của mình là rỗng rang. Từ Việt Nam và TQ, gom lại 600 quyển, thành 1 bộ Bát nhã tâm kinh. Mỗi ngày giảng ít một thôi, giảng ngay hết sẽ không hiểu được.

Câu hỏi 2: thực tế 6 cõi luân hồi có phải do ảo tưởng không, thực tế có nhiều người thấy có cõi Ngạ quỷ, xin thầy xác nhận lại.

6 cõi luân hồi có tồn tại khi mà chúng ta chưa thức tỉnh được, khi mà chúng ta vẫn còn mê mờ, lầm lẫn thì 6 cõi luân hồi thực tế là vẫn còn tồn tại. Chỉ khi nào chúng ta tỉnh ra, thức tỉnh được, thoát khỏi mê mờ, hay giấc mơ thì ta nhìn lại 6 cõi này chẳng qua chỉ là ảo ảnh thôi. Khi chúng ta đang vẫn còn trong sự mê mờ, chưa thức tỉnh được thì 6 cõi này là tồn tại thực tế, không phải giả tạo.

Khi ta đang trải nghiệm cuộc sống, trong thân người này thì tất cả đối với chúng ta vẫn còn là sự thật. Ví dụ khi chúng ta đói, nóng, lạnh, hay đau khổ, hạnh phúc thì đấy vẫn là những thực tế mà chúng ta cảm nhận được trong thân người, kiếp người này. Chỉ khi ta thực sự đạt được giác ngộ ta mới có được cách nhìn nhận khác đi được. Ta hãy tin vào điều đấy.

Về tính không và sự rỗng rang là kiến thức rất sâu rộng, thầy có thể nói qua 1 chút: Khi nói tính không thì không có nghĩa là không có gì cả. Ví dụ khi nói về tôi, thì bạn không thể nào tìm thấy đâu là tôi cả vì bạn gồm có mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi,… và các giác quan, tạo nên cái tôi. Bây giờ bạn đặt câu hỏi là tìm cái tôi của bạn ở đâu: cái tôi nằm trên cái mắt, tai hay mũi, lưỡi của bạn?

Về tính không và sự rỗng rang là một.